



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

**Các văn bản thành lập**

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2021.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch ( <i>từ ngày 17/5/2023</i> )
Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch ( <i>đến ngày 17/5/2023</i> )
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên
Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc ( <i>từ ngày 1/4/2023</i> )
Ông Bùi Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc ( <i>từ ngày 1/4/2023</i> )
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc ( <i>đến ngày 1/7/2023</i> )

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower  
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00213-24-2

---

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2023-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, **29 -03- 2024**

---

Trương Tuyết Mai  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.895.536.812.235</b>	<b>1.912.555.317.945</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>69.346.756.213</b>	<b>51.142.685.869</b>
Tiền	111		69.346.756.213	51.142.685.869
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.204.858.624.260</b>	<b>1.256.534.282.544</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(1.951.375.740)	(1.875.717.456)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.204.200.000.000	1.255.800.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>415.105.982.269</b>	<b>418.188.329.143</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	369.321.654.716	355.467.343.509
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.513.377.917	1.955.614.925
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	41.683.466.535	61.438.045.458
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(448.724.049)	(739.064.759)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		36.207.150	66.390.010
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>175.751.641.472</b>	<b>150.777.521.308</b>
Hàng tồn kho	141		175.751.641.472	152.671.782.778
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.894.261.470)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.473.808.021</b>	<b>35.912.499.081</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.144.542.288	5.996.157.795
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.874.727.692	29.329.603.103
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.454.538.041	586.738.183

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>640.381.829.366</b>	<b>609.036.938.202</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>181.468.408</b>	<b>264.386.408</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	82.919.000	165.837.000
Phải thu dài hạn khác	216		98.549.408	98.549.408
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>299.420.758.895</b>	<b>284.716.220.881</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	232.995.541.257	217.760.748.400
Nguyên giá	222		937.925.424.428	884.402.842.508
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(704.929.883.171)	(666.642.094.108)
Tài sản cố định vô hình	227	10	66.425.217.638	66.955.472.481
Nguyên giá	228		80.717.609.184	80.757.637.184
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.292.391.546)	(13.802.164.703)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>6.278.324.549</b>	<b>6.460.917.881</b>
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.764.840.716)	(2.582.247.384)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.324.394.154</b>	<b>44.632.060.911</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	8.324.394.154	44.632.060.911
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>77.000.000.000</b>	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		77.000.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>249.176.883.360</b>	<b>272.963.352.121</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	244.495.501.779	267.309.640.293
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	4.681.381.581	5.653.711.828
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.535.918.641.601</b>	<b>2.521.592.256.147</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.666.953.675.858</b>	<b>1.714.306.262.596</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.601.285.862.840</b>	<b>1.660.459.228.809</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	318.355.602.047	475.638.861.069
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23.295.126.878	9.313.070.367
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	15.744.332.396	13.988.497.504
Phải trả người lao động	314		52.214.751.379	36.190.842.122
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.892.878.485	7.453.358.450
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		55.055.877	220.449.673
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	20.591.738.714	85.108.529.098
Vay ngắn hạn	320	19	1.163.262.120.514	1.012.040.975.052
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	16.905.075.156
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	2.874.256.550	3.599.570.318
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.667.813.018</b>	<b>53.847.033.787</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	65.667.813.018	53.847.033.787
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>868.964.965.743</b>	<b>807.285.993.551</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>868.964.965.743</b>	<b>807.285.993.551</b>
Vốn cổ phần	411	22	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	22	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		156.674.720.641	146.665.416.338
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.013.940.939	48.611.089.803
- Lợi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(286.564.246)	(332.139.946)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		95.300.505.185	48.943.229.749
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.899.624.163	8.632.807.410
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.535.918.641.601</b>	<b>2.521.592.256.147</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Văn Học  
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.623.660.090.524	4.088.763.575.002
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	79.693.771.190	74.405.204.643
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>3.543.966.319.334</b>	<b>4.014.358.370.359</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	2.884.187.219.856	3.404.579.921.043
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>659.779.099.478</b>	<b>609.778.449.316</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	93.786.558.853	81.850.140.009
Chi phí tài chính	22	28	75.280.145.788	63.984.997.734
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		68.174.255.008	55.983.069.708
Chi phí bán hàng	25	29	381.522.708.901	338.177.945.879
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	162.393.426.674	136.196.148.345
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>134.369.376.968</b>	<b>153.269.497.367</b>
Thu nhập khác	31	31	4.559.562.028	7.863.762.867
Chi phí khác	32		3.323.179.304	920.830.974
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.236.382.724</b>	<b>6.942.931.893</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>135.605.759.692</b>	<b>160.212.429.260</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	32.724.578.890	34.272.310.781
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	972.330.247	(677.678.330)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>101.908.850.555</b>	<b>126.617.796.809</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		101.908.850.555	126.617.796.809
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		95.300.505.185	121.350.371.748
Cổ đông không kiểm soát	62		6.608.345.370	5.267.425.061
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.235	1.669

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Văn Học  
 Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>135.605.759.692</b>	<b>160.212.429.260</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	44.472.248.390	47.327.950.941
Các khoản dự phòng	03	(19.014.019.052)	(11.582.890.843)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(71.220.419)	(4.673.536.552)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(87.072.731.908)	(74.207.164.624)
Chi phí lãi vay	06	68.174.255.008	55.983.069.708
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>142.094.291.711</b>	<b>173.059.857.890</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(10.711.261.966)	26.412.202.420
Biến động hàng tồn kho	10	(23.079.858.694)	44.407.590.593
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(89.436.185.016)	82.995.058.678
Biến động chi phí trả trước	12	21.135.458.159	(15.277.994.425)
		<b>40.002.444.194</b>	<b>311.596.715.156</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(70.384.033.547)	(54.476.707.675)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.773.716.784)	(32.461.525.262)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.787.204.444)	(20.385.579.033)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(88.942.510.581)</b>	<b>204.272.903.186</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(34.802.678.400)	(46.128.103.238)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	792.941.911	404.165.664
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(2.135.700.000.000)	(1.496.100.000.000)
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	2.110.300.000.000	1.391.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	105.839.994.146	39.393.410.233
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>46.430.257.657</b>	<b>(110.630.527.341)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	2.777.594.791.228	3.093.761.976.480
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.626.373.645.766)	(3.104.626.629.181)
Tiền trả cổ tức	36	(90.504.417.420)	(90.534.658.553)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>60.716.728.042</b>	<b>(101.399.311.254)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>18.204.475.118</b>	<b>(7.756.935.409)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>51.142.685.869</b>	<b>58.899.786.471</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(404.774)</b>	<b>(165.193)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	<b>70</b>	<b>69.346.756.213</b>	<b>51.142.685.869</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

  
 Phạm Văn Học  
 Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

  
 Nguyễn Thị Thanh Huyền  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Hữu Quang  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2023: 6 công ty con) như sau:

		31/12/2023 và 1/1/2023	
			% sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 1.082 nhân viên (1/1/2023: 1.080 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần trăm sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ tài sản khác	3 - 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 40 - 60 năm. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho các lô đất mà có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư cho thuê***

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) *Vỏ bình gas***

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

**(ii) *Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(iii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng.

#### **(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **(m) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### **(n) Vốn cổ phần**

##### **(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(o) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(p) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(r) Thuê tài sản**

**Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	4.745.098.670	3.672.143.201
Tiền gửi ngân hàng	64.601.657.543	47.435.818.668
Tiền đang chuyển	-	34.724.000
	69.346.756.213	51.142.685.869

**5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	Giá gốc VND	31/12/2023 Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	658.624.260	(1.951.375.740)

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2023		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	734.282.544	(1.875.717.456)

(\*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.204.200.000.000	1.204.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	77.000.000.000	(*)
	<u>1.281.200.000.000</u>	<u>1.204.200.000.000</u>

	1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.255.800.000.000	1.255.800.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(\*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Ngắn hạn	369.321.654.716	355.467.343.509
Dài hạn	82.919.000	165.837.000
	<hr/> 369.404.573.716	<hr/> 355.633.180.509

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	6.703.202.998	7.889.309.306
Công ty TNHH Xăng Dầu Lâm Đồng	6.931.231.572	6.084.642.640
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lào Cai	4.677.721.350	5.855.269.075
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam khác	80.822.908.061	61.491.522.177
	<hr/> 99.135.063.981	<hr/> 81.320.743.198

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	29.301.852.876	48.278.204.658
Phải thu người lao động	7.933.638.626	7.280.238.287
Hàng hóa cho mượn sản xuất	-	25.810.200
Phải thu ngắn hạn khác	4.447.975.033	5.853.792.313
	<hr/> 41.683.466.535	<hr/> 61.438.045.458



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	42.877.241.130	-	14.348.995.556	-
Nguyên vật liệu	42.892.078.285	-	43.671.023.341	-
Công cụ và dụng cụ	998.357.908	-	1.575.921.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.017.177.832	-	2.670.464.227	-
Thành phẩm	2.221.681.417	-	1.047.054.861	-
Hàng hóa	77.588.069.571	-	89.358.323.793	(1.894.261.470)
Hàng gửi bán	3.157.035.329	-	-	-
	<b>175.751.641.472</b>	<b>-</b>	<b>152.671.782.778</b>	<b>(1.894.261.470)</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	398.173.441.442	349.636.143.707	114.644.714.459	16.979.932.673	4.968.610.227	884.402.842.508
Tăng trong năm	587.678.885	286.037.500	-	385.634.745	-	1.259.351.130
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	2.676.713.179	42.287.445.980	10.293.824.426	109.427.272	261.187.590	55.628.598.447
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	199.828.000	-	-	-	-	199.828.000
Thanh lý	(325.761.601)	(1.006.772.842)	(1.425.893.471)	-	-	(2.758.427.914)
Xóa sổ	-	(806.767.743)	-	-	-	(806.767.743)
Số dư cuối năm	401.311.899.905	390.396.086.602	123.512.645.414	17.474.994.690	5.229.797.817	937.925.424.428
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	267.677.028.019	297.014.424.781	84.395.629.205	13.228.330.220	4.326.681.883	666.642.094.108
Khấu hao trong năm	12.801.756.016	18.524.920.720	8.263.940.554	1.427.236.192	251.278.871	41.269.132.353
Thanh lý	(325.761.601)	(985.505.926)	(863.308.020)	-	-	(2.174.575.547)
Xóa sổ	-	(806.767.743)	-	-	-	(806.767.743)
Số dư cuối năm	280.153.022.434	313.747.071.832	91.796.261.739	14.655.566.412	4.577.960.754	704.929.883.171
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	130.496.413.423	52.621.718.926	30.249.085.254	3.751.602.453	641.928.344	217.760.748.400
Số dư cuối năm	121.158.877.471	76.649.014.770	31.716.383.675	2.819.428.278	651.837.063	232.995.541.257

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 335.938 triệu VND (1/1/2023: 272.919 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	68.973.538.448	11.784.098.736	80.757.637.184
Tăng trong năm	-	159.800.000	159.800.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(199.828.000)	-	(199.828.000)
Số dư cuối năm	68.773.710.448	11.943.898.736	80.717.609.184
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.857.636.290	10.944.528.413	13.802.164.703
Khấu hao trong năm	208.243.572	281.983.271	490.226.843
Số dư cuối năm	3.065.879.862	11.226.511.684	14.292.391.546
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	66.115.902.158	839.570.323	66.955.472.481
Số dư cuối năm	65.707.830.586	717.387.052	66.425.217.638

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 10.592 triệu VND (1/1/2023: 10.552 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Bất động sản đầu tư**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.924.770.001	657.477.383	2.582.247.384
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	2.063.910.001	700.930.715	2.764.840.716
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.032.635.469	1.428.282.412	6.460.917.881
Số dư cuối năm	4.893.495.469	1.384.829.080	6.278.324.549

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	44.632.060.911	2.797.301.826
Tăng trong năm	19.320.931.690	50.279.513.466
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(55.628.598.447)	(8.093.177.381)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	-	(351.577.000)
Số dư cuối năm	8.324.394.154	44.632.060.911

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Công trình mở rộng sức chứa LPG Đà Nẵng	-	41.627.924.146
Lắp đặt bồn chi nhánh Quảng Bình và Khánh Hòa	1.532.422.413	1.342.196.379
Công trình kho LPG Quảng Bình	6.047.290.017	82.944.273
Các công trình khác	744.681.724	1.578.996.113
	<b>8.324.394.154</b>	<b>44.632.060.911</b>

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

	<b>Vỏ bình gas</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí</b> <b>đất trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí trả</b> <b>trước khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	223.155.239.981	22.823.269.167	21.331.131.145	267.309.640.293
Tăng trong năm	26.638.196.198	1.875.827.060	9.222.995.591	37.737.018.849
Phân bổ trong năm	(49.282.852.931)	(2.530.295.862)	(8.485.300.608)	(60.298.449.401)
Thanh lý	(247.046.632)	-	(5.661.330)	(252.707.962)
	<b>200.263.536.616</b>	<b>22.168.800.365</b>	<b>22.063.164.798</b>	<b>244.495.501.779</b>

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	4.681.381.581	5.653.711.828

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>		
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	354.500.998	1.477.334.135
<b>Bên khác</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	126.882.007.306	273.533.734.243
Công ty TNHH EI Corporation	108.654.052.518	164.768.303.902
Itochu Petroleum Co., Pte.Ltd	42.886.335.624	-
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	10.814.348.949	-
Các nhà cung cấp khác	28.764.356.652	35.859.488.789
	<hr/>	<hr/>
	318.355.602.047	475.638.861.069

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023		Số phát sinh trong năm VND		Số bù trừ/đã nộp trong năm VND		31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải trả VND			Phải thu VND	Phải trả VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	(72.428.082)	1.746.048.693	919.575.690.770	(916.434.317.497)	-	4.814.993.884	-	4.814.993.884
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.013.903.059	74.591.316.672	(74.501.064.433)	-	1.104.155.298	-	1.104.155.298
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(37.862.343)	10.412.608.925	32.724.578.890	(36.773.716.784)	(352.868.260)	6.678.476.948	(568.507.474)	6.110.979.474
Thuế thu nhập cá nhân	(476.447.758)	799.254.625	6.351.392.862	(6.631.330.182)	(568.507.474)	611.377.021	-	611.377.021
Thuế nhập khẩu	-	-	26.991.768.300	(24.456.439.055)	(533.162.307)	2.535.329.245	-	2.535.329.245
Thuế khác	-	16.682.202	1.932.175.953	(2.482.020.462)	(533.162.307)	-	-	-
	(586.738.183)	13.988.497.504	1.062.166.923.447	(1.061.278.888.413)	(1.454.538.041)	15.744.332.396		15.744.332.396

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi vay	885.195.899	3.094.974.438
Trích trước chi phí hoạt động	4.007.682.586	4.358.384.012
	4.892.878.485	7.453.358.450

**18. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.991.300.114	2.234.019.727
Cổ tức phải trả	320.484.500	76.888.116.420
Hàng mượn Công ty TNHH Khí hóa lỏng Thăng Long	11.663.496.130	-
Phải trả ngắn hạn khác	5.616.457.970	5.986.392.951
	20.591.738.714	85.108.529.098

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**19. Vay ngắn hạn**

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.012.040.975.052	2.777.594.791.228	(2.626.373.645.766)	1.163.262.120.514



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Ngân hàng B.O.C (i)	VND	297.413.000.000	118.258.938.433
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	234.921.034.428	170.745.401.439
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	237.070.412.048	376.596.719.569
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	VND	199.133.349.296	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	170.288.711.319	186.047.187.554
Ngân hàng BNP Paribas (i)	VND	24.435.613.423	118.856.739.265
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	VND	-	27.330.423.322
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	-	8.300.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	-	5.905.565.470
		<b>1.163.262.120.514</b>	<b>1.012.040.975.052</b>

- (i) Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất cố định theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

## 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	3.599.570.318	3.011.003.503
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	21.061.890.676	20.974.145.848
Sử dụng trong năm	(21.787.204.444)	(20.385.579.033)
Số dư cuối năm	<b>2.874.256.550</b>	<b>3.599.570.318</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	132.215.412.587	119.247.893.803	13.912.679.353	868.752.665.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	121.350.371.748	5.267.425.061	126.617.796.809
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.450.003.751	(14.450.003.751)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(20.655.030.997)	(319.114.851)	(20.974.145.848)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(156.882.141.000)	(10.228.182.153)	(167.110.323.153)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	146.665.416.338	48.611.089.803	8.632.807.410	807.285.993.551
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	95.300.505.185	6.608.345.370	101.908.850.555
Phân bổ vào các quỹ	-	-	10.009.304.303	(10.009.304.303)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(20.786.564.246)	(275.326.430)	(21.061.890.676)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(18.101.785.500)	(1.066.202.187)	(19.167.987.687)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	156.674.720.641	95.013.940.939	13.899.624.163	868.964.965.743

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	<b>31/12/2023 và 1/1/2023</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.342.638	603.426.380.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**23. Cổ tức**

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2023 về việc chia cổ tức năm 2022, tại cuộc họp ngày 17 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phân phối cổ tức năm 2022 bằng tiền là 90.509 triệu VND, trong đó có 72.407 triệu VND đã tạm ứng trong năm 2022 (2022: 84.475 triệu VND).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	45.939,24	1.106.211.500	839,66	19.765.839
Euro (“EUR”)	114,62	3.022.529	124,42	3.097.907
		<u>1.109.234.029</u>		<u>22.863.746</u>

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
<b>Tổng doanh thu</b>		
▪ Doanh thu bán hàng và ký cược, ký quỹ vô bình gas	3.589.565.694.723	4.052.376.871.964
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.276.782.311	32.603.788.220
▪ Doanh thu cho thuê	3.201.181.890	3.782.914.818
▪ Doanh thu khác	2.616.431.600	-
	<u>3.623.660.090.524</u>	<u>4.088.763.575.002</u>
<b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Chiết khấu thương mại	(61.211.991.232)	(56.546.693.106)
▪ Hàng bán bị trả lại	(18.481.779.958)	(17.858.511.537)
	<u>(79.693.771.190)</u>	<u>(74.405.204.643)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>3.543.966.319.334</u>	<u>4.014.358.370.359</u>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	2.863.872.437.906	3.372.775.169.247
▪ Cung cấp dịch vụ	20.117.939.905	29.068.296.615
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.091.103.515	2.865.759.017
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.894.261.470)	(129.303.836)
	<hr/>	<hr/>
	2.884.187.219.856	3.404.579.921.043

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	86.863.642.364	73.828.810.619
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.832.033.070	3.226.917.358
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.220.419	4.673.536.552
Cổ tức được chia	-	100.000.000
Doanh thu khác	19.663.000	20.875.480
	<hr/>	<hr/>
	93.786.558.853	81.850.140.009

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	68.174.255.008	55.983.069.708
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.030.232.496	6.216.362.863
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	75.658.284	853.721.886
Chi phí khác	-	931.843.277
	<hr/>	<hr/>
	75.280.145.788	63.984.997.734

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	95.475.270.328	91.167.595.196
Chi phí khấu hao	3.855.134.963	3.643.437.869
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	49.282.852.931	52.996.306.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.984.809.003	81.364.363.865
Chi phí bán hàng khác	143.924.641.676	109.006.242.049
	<b>381.522.708.901</b>	<b>338.177.945.879</b>

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	79.300.214.388	72.227.663.877
Chi phí khấu hao	5.916.441.595	5.422.358.404
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(290.340.710)	(1.636.134.948)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.484.794.167	28.100.664.097
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	45.982.317.234	32.081.596.915
	<b>162.393.426.674</b>	<b>136.196.148.345</b>

**31. Thu nhập khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi thanh lý tài sản cố định	209.089.544	298.926.205
Lãi thanh lý vỏ bình	-	1.330.042.318
Chênh lệch thừa kiểm kê hàng tồn kho	3.523.889.214	3.584.025.622
Thu nhập khác	826.583.270	2.650.768.722
	<b>4.559.562.028</b>	<b>7.863.762.867</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	222.334.237.351	277.572.521.482
Chi phí nhân viên	252.946.121.299	223.513.092.884
Chi phí khấu hao và phân bổ	44.472.248.390	47.327.950.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.272.383.306	167.419.287.178
Chi phí khác	239.828.546.436	194.094.516.209

**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	31.655.091.833	34.272.310.781
Dự phòng thừa trong những năm trước	1.069.487.057	-
	<b>32.724.578.890</b>	<b>34.272.310.781</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	972.330.247	(677.678.330)
	<b>33.696.909.137</b>	<b>33.594.632.451</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	135.605.759.692	160.212.429.260
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	27.121.151.938	32.042.485.852
Thu nhập không bị tính thuế	-	(20.000.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.502.162.946	1.540.163.432
Biến động các chênh lệch tạm thời	4.107.196	31.983.167
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.069.487.057	-
	<b>33.696.909.137</b>	<b>33.594.632.451</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

	2023	2022
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	95.300.505.185	121.350.371.748
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(20.786.564.246)	(20.655.030.997)
	74.513.940.939	100.695.340.751
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	60.339.285	60.339.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.235	1.669

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 20.787 triệu VND, căn cứ trên kết quả kinh doanh và số đã trích cho năm 2023.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i> Cổ tức trả bằng tiền trong năm	9.481.289.700	44.246.018.600
<b>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i> Bán hàng hóa	62.807.417.850	77.425.210.300
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i> Bán hàng hóa	49.387.740.920	61.863.173.300
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i> Bán hàng hóa	33.745.407.900	51.928.055.450
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i> Bán hàng hóa	39.113.827.320	44.610.380.240
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i> Bán hàng hóa	37.886.667.500	45.556.226.450
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i> Bán hàng hóa	25.895.286.150	28.920.718.320
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i> Bán hàng hóa	40.916.310.435	43.292.779.361
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</i> Bán hàng hóa	38.993.766.200	45.408.042.900
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b> Bán hàng hóa	715.823.017.343	785.018.243.171

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Lương thưởng và thù lao</b>		
Ông Nguyễn Quang Định – Chủ tịch (từ ngày 17/5/2023)	614.555.955	-
Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch (đến ngày 17/5/2023)	55.416.000	227.910.205
Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên	104.004.000	144.026.883
Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc	897.167.687	1.065.540.126
Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)	628.096.910	745.934.258
Ông Giang Trung Kiên – Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)	104.004.000	103.367.913
Ông Phan Phương Anh – Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)	-	40.658.971
<b>Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác</b>		
<b>Lương thưởng và thù lao</b>		
Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc	290.707.364	745.934.258
Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc	628.096.910	745.934.258
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc	626.514.800	745.934.258
Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	82.776.000	-
Ông Bùi Thanh Định – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	483.357.274	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng	542.491.249	644.267.013
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<b>Lương và thù lao</b>		
Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban	627.885.392	745.934.258
Bà Lê Thị Hải – Thành viên	438.971.901	521.629.730
Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên	72.686.000	26.067.552

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**36. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Văn Học  
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc